

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/MVM/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Hộ kinh doanh Mai Văn Minh.

Địa chỉ: Thôn Hồng Lương- xã Phù Ủng- huyện Ân Thi- tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0968992928.

Mã số chứng nhận ĐKKD số 05G8002079 đăng ký lần đầu ngày 07/7/2020, nơi cấp: UBND huyện Ân Thi.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 62/2020/ATTP-CNĐK ngày cấp: 05/8/2020, Nơi cấp: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Nước uống đóng chai Minh Anh.
2. Thành phần: Nguồn nước giếng khoan được xử lý qua hệ thống lọc.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng trong bình nhựa đạt QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Thể tích: 350ml; 500 ml.
5. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: Sản phẩm dùng trực tiếp, bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát.

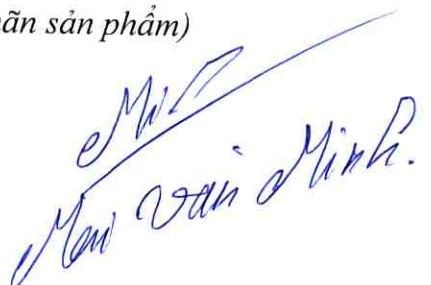
6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Hộ kinh doanh Mai Văn Minh.

Địa chỉ: Thôn Hồng Lương- xã Phù Ủng- huyện Ân Thi- tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0968992928.

II. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm nội dung mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:


Mai Văn Minh.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực Phẩm.
- QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 6-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai và nước khoáng thiên nhiên.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hung Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mi P
Minh Văn Minh

NỘI DUNG DỰ THẢO MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Nước uống đóng chai Minh Anh

- Thành phần:
- Ngày sản xuất:
- Hạn sử dụng:
- Tên tổ chức, cá nhân: Hộ kinh doanh Mai Văn Minh.

Địa chỉ: Thôn Hồng Lương- xã Phù Ủng- huyện Ân Thi- tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0968992928.

- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: Sản phẩm dùng trực tiếp, bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát.
- Thể tích: 500 ml.

Mai Văn Minh



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 273-1 /Labo XNATVSTP

Tên mẫu/Name of Sample: Nước uống đóng chai Minh Anh

Mã số/Code: 0820273-1

Số lượng mẫu/Quantity: 01 mẫu

Tình trạng mẫu/Conditional keeping: Mẫu được đóng chai nhựa 500ml kín.

Người/Đơn vị gửi mẫu/Customer: Hộ kinh doanh Mai Văn Minh -Cơ sở sản xuất nước sạch Minh Anh

Địa chỉ/ Add: Thôn Hồng Lương, Xã Phù Ủng, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên

Ngày gửi mẫu/Date of receiving : 05/08/2020

Thời gian kiểm nghiệm/ Testing time: Từ 05/08/2020 đến ngày 13/08/2020.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM (Test Result)

TT	Chỉ tiêu(Specification)	Đơn vị (Unit)	Giới hạn cho phép (QCVN 06-01/2010-BYT)	Phương pháp (Test method)	Kết quả (Result)
1	Hàm lượng Stibi	mg/l	0,02 mg/l	AOAC 964.16	KPH
2	Hàm lượng Arsen	mg/l	0,01 mg/l	AOAC 986.15	KPH
3	Hàm lượng Bari	mg/l	0,7 mg/l	AOAC 920.201	KPH
4	Hàm lượng Bor	mg/l	0,5 mg/l	TCVN 6635:2000	KPH
5	Hàm lượng Bromat	mg/l	0,01 mg/l	ISO 15061:2001	KPH
6	Hàm lượng Cadmi	mg/l	0,003 mg/l	AOAC 986.15	KPH
7	Hàm lượng Clor	mg/l	5 mg/l	ISO 7393-3:1990	KPH
8	Hàm lượng Clorat	mg/l	0,7 mg/l	TCVN 6494-4:2000	KPH
9	Hàm lượng Clorit	mg/l	0,7 mg/l	TCVN 6494-4:2000	KPH
10	Hàm lượng Crom	mg/l	0,05 mg/l	TCVN 6222:2008	KPH
11	Hàm lượng Đồng	mg/l	2 mg/l	AOAC 960.40	KPH
12	Hàm lượng Cyanid	mg/l	0,07 mg/l	TCVN 7723:2007	KPH
13	Hàm lượng Fluorid	mg/l	1,5 mg/l	TCVN 6490:1999	KPH
14	Hàm lượng Chì	mg/l	0,01 mg/l	TCVN 6193:1996	KPH

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.

3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.

4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.

15	Hàm lượng Mangan	mg/l	0,4 mg/l	TCVN 6002:1995	KPH
16	Hàm lượng Thủy ngân	mg/l	0,006 mg/l	TCVN 7877:2008	KPH
17	Hàm lượng Molybden	mg/l	0,07 mg/l	TCVN 7929:2008	KPH
18	Hàm lượng Nickel	mg/l	0,07 mg/l	TCVN 6193:1996	KPH
19	Hàm lượng Nitrat	mg/l	50 mg/l	TCVN 6180:1996	0,38
20	Hàm lượng Nitrit	mg/l	3 mg/l	TCVN 6178: 1996	KPH
21	Hàm lượng Selen	mg/l	0,01 mg/l	TCVN 6183:1996	KPH
22	<i>E. coli</i>	CFU/250ml	KPH/250ml	TCVN 6187-1:2009	KPH
23	Coliform tổng số	CFU/250ml	KPH/250ml	TCVN 6187-1:2009	KPH
24	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/250ml	KPH/250ml	TCVN 6189-2:2009	KPH
25	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/250ml	KPH/250ml	TCVN 8881 :2011	KPH
26	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	CFU/50ml	KPH/50ml	TCVN 6191-2:1996	KPH

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu kiểm nghiệm trên đạt tiêu chuẩn của nước uống đóng chai QCVN 06-01/2010-BYT

Hải Dương, ngày 13 tháng 08 năm 2020

Labo XNATVSTP



Th. Hoàng Thị Thu Huyền



LÃNH ĐẠO TRƯỜNG

HIỆU TRƯỞNG

Dinh Thị Điện Hằng

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.
3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.
4. Không nhân khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.